TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/7/2022
"V/v: Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Viết Thống.
2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc: "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Công N, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện Điện B, tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Công N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/7/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt không thể hàn gắn được. Sau đó đến 10/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly

thân từ đó cho đến nay, nay tôi xét thấy không còn tình cảm với ông N nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông N.

Về con chung, bà H và ông N có một con chung là Hồ Nhật A, sinh ngày 15/5/2009, hiện nay cháu A đang sống cùng với ông N và do ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên bà H đồng ý để cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi tự nguyện hằng tháng cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cho đến đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022.

Về tài sản chung và nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/6/2022 ông Hồ Công N trình bày:

Ông N và bà H có ký đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung. Ông Hồ Công N và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày tháng năm kết hôn ông N không nhớ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn với nhau và đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Nay bà H yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N thì ông N đồng ý.

Về con chung, ông N và bà H có một con chung là Hồ Nhật A, sinh ngày 15/5/2009, hiện nay cháu A đang sống cùng với ông N và do ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên ông N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông N yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Công N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Công N.

Về con chung: Giao cháu Hồ Nhật A, sinh ngày 15/5/2009 cho ông Hồ Công N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Bà Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận lựa chọn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/7/2009, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt không thể hàn gắn được. Sau đó đến năm 2012 thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, sau khi ly thân ông Hồ Công N cùng con về cư trú và sinh sống tại Thôn C1, xã Đ, huyện Điện B, tỉnh Quảng Nam, còn bà H sinh sống và làm việc tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên không ai quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay bà H và ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông N đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung thì không có hạnh phúc, nay bà H và ông N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông N là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Hiện nay ông N đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hồ Nhật A, sinh ngày 15/5/2009 và ông N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Bà H cũng đồng ý để cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi khi đủ 18 tuổi.

Bà H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H tự nguyện hằng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Nhật A số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và xin ly hôn ông Hồ Công N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Công N.

Về con chung: Giao con chung Hồ Nhật A, sinh ngày 15/5/2009 cho ông Hồ Công N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A đủ tuổi thành niên.

Bà Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện hằng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Hồ Nhật A, số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Hồ Nhật A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0012471 ngày 18/3/2022, Bà Nguyễn Thị H còn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niếm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh